

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2017/HNGĐ-ST**
Ngày: 14/11/2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông **Hà Hữu Hiền**

2/. Ông **Đỗ Ngọc Cận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Ngọc Hân**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Đồ Ngọc Tuyên** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2017/TLST-HNGĐ, ngày 15/8/2017 về “**Tranh chấp ly hôn, nuôi con**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Hoàng M**, sinh năm 19XX (có mặt).

Địa chỉ: Số A đường B, khóm C, phường D, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Trung Tr** (tên gọi khác: S), sinh năm 19XX (có mặt).

Địa chỉ: Số A đường B, khóm C, phường D, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 01/8/2017 của nguyên đơn là bà Trần Thị Hoàng M và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Trần Thị Hoàng M và bị đơn Huỳnh Trung Tr được gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 01/1996, theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày vợ chồng không có đăng ký kết hôn và yêu cầu không công nhận nguyên đơn Trần Thị Hoàng M và bị đơn Huỳnh Trung Tr là vợ chồng. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ngày 25/8/2017 nguyên đơn M đã cung cấp cho Tòa án Bản sao Trích lục kết hôn số 501/TLKH-BS của Ủy ban nhân dân phường D, thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng về việc xác nhận ngày 30/01/1996 Ủy ban nhân dân phường D, thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng có cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho nguyên đơn Trần Thị Hoàng M và bị đơn Huỳnh Trung Tr.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có được 03 người con chung tên Huỳnh Quốc T, sinh ngày 14/12/19XX; Huỳnh Thị Ngọc Tr, sinh ngày 24/4/20XX và Huỳnh Thị Phụng K, sinh ngày 26/8/20XX. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, bị đơn thường hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thông cảm cho nhau, bị đơn Tr không quan tâm chăm sóc cho gia đình, một mình nguyên đơn phải trang trải cuộc sống và nuôi dạy các con. Nguyên đơn nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn M yêu cầu được ly hôn với bị đơn Huỳnh Trung Tr.

Về con chung: Nguyên đơn Trần Thị Hoàng M yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung tên Huỳnh Thị Ngọc Tr, sinh ngày 24/4/20XX và Huỳnh Thị Phụng K, sinh ngày 26/8/20XX cho đến khi cháu Tr và cháu K đến đủ 18 tuổi, nguyên đơn M không yêu cầu bị đơn Tr cấp dưỡng nuôi cháu Tr và cháu K. Riêng cháu Huỳnh Quốc T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên hòa giải ngày 06/9/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Huỳnh Trung Tr đều thừa nhận những lời trình bày của nguyên đơn Trần Thị Hoàng M về quan hệ hôn nhân và trong quá trình chung sống ông, bà có được 03 người con chung tên Huỳnh Quốc T, sinh ngày 14/12/19XX; Huỳnh Thị Ngọc Tr, sinh ngày 24/4/20XX và Huỳnh Thị Phụng K, sinh ngày 26/8/20XX, hiện cháu T đã trưởng thành, về tài sản chung và nợ chung là hoàn toàn đúng sự thật.

Bị đơn Tr không đồng ý với nguyên nhân mâu thuẫn như nguyên đơn M trình bày. Bị đơn Tr cho rằng mâu thuẫn giữa bị đơn và nguyên đơn M bắt đầu từ cuối năm 2016 cho đến nay. Mâu thuẫn đỉnh điểm của vợ chồng là trước khi nguyên đơn M nộp đơn khởi kiện một tháng, bị đơn thừa nhận hơn một năm nay bị đơn không có cùng với nguyên đơn chăm lo cho các con. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu vợ con.

Về con chung nếu phải ly hôn thì bị đơn Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung là cháu Huỳnh Thị Ngọc Tr, sinh ngày 24/4/20XX và Huỳnh Thị Phụng K, sinh ngày 26/8/20XX cho đến khi cháu Tr và cháu K đến đủ 18 tuổi, bị đơn Tr không yêu cầu nguyên đơn M phải cấp dưỡng nuôi cháu Tr và cháu K. Riêng cháu Huỳnh Quốc T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn Trần Thị Hoàng M và bị đơn Huỳnh Trung Tr đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Hoàng M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Trần Thị Hoàng M và bị đơn Huỳnh Trung Tr đều trình bày thống nhất về quan hệ hôn nhân và con cái như sau: Nguyên đơn và bị đơn Huỳnh Trung Tr kết hôn năm 1996 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường D, thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/01/1996; nguyên đơn và bị đơn có 03 người con chung tên Huỳnh Quốc T, sinh ngày 14/12/19XX; Huỳnh Thị Ngọc Tr, sinh ngày 24/4/20XX và Huỳnh Thị Phụng K, sinh ngày 26/8/20XX. Lời trình bày nêu trên của các đương sự phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn và các giấy khai sinh của cháu T, cháu Tr và cháu K mà nguyên đơn M đã cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[2] Nguyên đơn Trần Thị Hoàng M trình bày rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, bị đơn thường hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không thông cảm cho nhau, bị đơn Tr không quan tâm chăm sóc cho gia đình, một mình nguyên đơn phải trang trải cuộc sống và nuôi dạy các con. Nguyên đơn không còn tình cảm yêu thương bị đơn Tr nữa, nên yêu cầu được ly hôn bị đơn Tr.

[3] Tại phiên tòa bị đơn Huỳnh Trung Tr cho rằng còn yêu thương nguyên đơn Trần Thị Hoàng M, nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bị đơn Tr không đưa ra được biện pháp nào để nguyên đơn M có thể xem xét, chấp nhận tiếp tục sống chung với bị đơn Tr. Tại phiên tòa, nguyên đơn M vẫn kiên quyết xin ly hôn bị đơn Tr.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân trong thời gian tương đối dài, không lo lắng, chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn không còn tình cảm yêu thương bị đơn nữa, tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn M.

[4] Về con chung: Nguyên đơn M và bị đơn Tr khai vợ chồng có ba người con chung tên Huỳnh Quốc T, sinh ngày 14/12/19XX; Huỳnh Thị Ngọc Tr, sinh ngày 24/4/20XX và Huỳnh Thị Phụng K, sinh ngày 26/8/20XX. Riêng cháu Huỳnh Quốc T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn Trần Thị Hoàng M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung tên Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 24/4/20XX và Huỳnh Thị Phụng K, sinh ngày 26/8/20XX cho đến khi cháu Tr và cháu K đến đủ 18 tuổi, nguyên đơn M không yêu cầu bị đơn Tr cấp dưỡng nuôi cháu Tr và cháu K.

Bị đơn Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung là cháu Huỳnh Thị Ngọc Tr, sinh ngày 24/4/20XX và Huỳnh Thị Phụng K, sinh ngày 26/8/20XX cho đến khi cháu Tr và cháu K đến đủ 18 tuổi, bị đơn Tr không yêu cầu nguyên đơn M phải cấp dưỡng nuôi cháu Tr và cháu K.

Xét yêu cầu nuôi con của các đương sự thì thấy rằng: Cháu Huỳnh Thị Ngọc Tr và cháu Huỳnh Thị Phụng K đều chưa đến tuổi trưởng thành, cần phải có sự trông nom, chăm sóc của cả cha và mẹ nhưng khi cha mẹ ly hôn thì chỉ có một người trực tiếp nuôi các con. Trên thực tế thì nguyên đơn M là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr và cháu K, cuộc sống về mọi mặt vẫn được đảm bảo, tình cảm mẹ con đã gắn bó. Hơn nữa, cháu Tr và cháu K đều có nguyện vọng sống chung với mẹ là nguyên đơn M. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu K và cháu Tr cho mẹ là nguyên đơn M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý và đúng pháp luật.

Riêng cháu Huỳnh Quốc T đã trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị đơn Tr được quyền thăm nom các con chung theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; không ai được cản trở ông Tr thực hiện quyền này.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn M không yêu cầu nên bị đơn Tr không phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

[6] **Về tài sản chung:** Do các đương sự tự khai tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[7] **Về nợ chung:** Do các đương sự tự khai không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[8] **Về án phí:** Nguyên đơn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 272, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trần Thị Hoàng M được ly hôn bị đơn ông Huỳnh Trung Tr (tên gọi khác là: S).

2/. Về con chung: Nguyên đơn Trần Thị Hoàng M được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Huỳnh Thị Ngọc Tr, sinh ngày 24/4/20XX và cháu Huỳnh Thị Phụng K, sinh ngày 26/8/20XX cho đến khi cháu T và cháu K đủ 18 tuổi. Bị đơn Huỳnh Trung Tr không phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Riêng cháu Huỳnh Quốc T đã trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị đơn Huỳnh Trung Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở ông Tr thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3/. Về tài sản chung: Do các đương sự tự khai tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

4/. Về nợ chung: Do các đương sự tự khai không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

5/. Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị Hoàng M phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0007810, ngày 07/8/2017, nguyên đơn M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn Trần Thị Hoàng M và bị đơn Huỳnh Trung Tr có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND phường D, TP Sóc Trăng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ